**ĐÔI MẮT THIÊNG LIÊNG**

“Xin cho con thấy được” (Mc 10, 51)

**Dẫn nhập**

Đôi mắt thiêng liêng là đôi mắt thấy được những gì ẩn kín, vô hình, thấy được điều đôi mắt phàm tục không thấy. Đôi mắt thiêng liêng là điều căn bản và thiết yếu cho đời sống đạo, một đời sống được xây dựng trên các Bí tích. Các Bí tích bao gồm các dấu chỉ khả giác để chỉ về một điều vô hình nhưng có thực đó là ân sủng của Thiên Chúa được hiện thực hóa nơi các Bí tích. Đời tu- một đời sống theo sát bước Chúa Giê-su để phục vụ sứ mạng cứu độ, một sứ mạng thiêng liêng liên quan đến ân sủng hơn là những công việc hữu hình- rất cần đôi mắt thiêng liêng này để chiêm ngắm cách sống động thế giới thiêng liêng và ân sủng đề rồi có thể cộng tác. Việc thấy được thực tại thiêng liêng này rất quan trọng. Nó là điểm khởi và là nền tảng để nâng đỡ toàn bộ tiến trình sống và hoạt động của đời tu. Nói như vậy có nghĩa là nếu không thấy được thực tại thiêng liêng, con người sẽ chẳng có lý do để bắt đầu hành động; và cho dù có bắt chước người khác hành động thì hành động đó sẽ không lâu bền vì không có gì nâng đỡ nó.

Với đôi mắt thiêng liêng, bài chia sẻ này sẽ tìm hiểu về bốn khía cạnh liên quan đến đời tu: Giá trị của đời tu, đời sống cộng đoàn, đức vâng phục và sứ mạng.

**1. Giá trị đời tu hay căn tính đời tu: trở nên bàn thánh**

Chúng ta nhớ lại lời Chúa nói trong Mt 23, 16-23; Các kinh sư nói rằng ai chỉ lễ vật trên bàn thờ mà thề thì bị ràng buộc, còn ai chỉ bàn thờ mà thề thì có thề cũng không sao. Các kinh sư có ý nói lễ vật trên bàn thờ có giá trị, bàn thờ thì không. Chúa Giê-su nói đây là cái nhìn sai lạc, vì chính bàn thờ mới là cái làm cho lễ vật có giá trị.

Dựa vào câu nói này của Chúa, chúng ta thấy bàn thờ, hay bàn thánh khác với cái bàn thường. Bàn thánh có sức thánh hóa và biến đổi lễ vật còn bàn thường thì không. Bàn thường có giá trị của nó như làm bàn học, bàn ăn, bàn làm việc, nhưng nó dường như không có giá trị trong việc thánh hóa lễ vật và trong việc nài xin ân sủng của Chúa.

Đến đây, chúng ta thấy một sự trùng hợp đến ngạc nhiên khi so sánh đời dâng hiến với bàn thánh. Bàn thánh hay chiếc khăn thánh khởi đầu cũng là bàn thường và khăn thường; chúng trở nên “thánh” qua việc chúng được “dành riêng” để phụng sự Chúa. “Thánh hiến” chính là việc dành riêng cho Chúa. Cũng vậy, trước khi sống đời thánh hiến, ai cũng là người thường. Qua ba lời khấn, người tu sĩ đã dâng hiến mình hoàn toàn cho Chúa, đã tự nguyện dành riêng mình cho Chúa, trở nên khí cụ trong tay Người. Từ giờ phút ấy, họ không khác gì chiếc khăn thánh và bàn thánh, họ được dành riêng để phụng sự Chúa, họ chỉ sống cho Chúa mà thôi.

Trong Giáo lý quy định tội phạm thánh là những tội xúc phạm đến người, vật hay nơi chốn đã được thánh hiến. Chính vì thế khăn thánh phải được giặt riêng, và cho dù nó cũ sờn, cũng không thể tự ý mang dùng vào việc khác như mang đi lau bàn; bàn thánh cũ kỹ cũng không thể mang ra làm bàn ăn. Chính vì điều này chúng ta được nhắc nhở phải rất kính trọng người thánh hiến, bao gồm mọi tu sĩ nam nữ và linh mục. Người thánh hiến cao trọng hơn gấp triệu lần khăn thánh; chúng ta cẩn thận với khăn thánh, thì càng phải cẩn thận và kính trọng người thánh hiến. Cho dù họ có lỗi lầm, họ cũng là người được dành riêng cho Chúa, họ là của Chúa một cách rất riêng. Ví dụ, nữ nu là hiền thê của Chúa; hiền thê tuy có xấu nết, thì người khôn ngoan cũng không nên nói xấu. Chúng ta kính trọng họ không chỉ vì họ, mà vì họ là của Chúa, và chỉ Chúa mới có quyền xét xử họ. Ở đời sự khôn ngoan bình thường cũng dạy chúng ta không nên chê vợ của Vua, hay bất cứ điều gì thuộc về Vua.

Đến đây chúng ta mới đi vào phần quan trọng của vấn đề: đó là sức thánh hóa lễ vật và việc nài xin ân sủng nơi bàn thánh. Khi được thánh hiến, tu sĩ biến đời mình nên bàn thánh, điều này có nghĩa mọi lễ vật hay mọi điều họ làm hay mọi điều xảy đến với họ đều được biến đổi và thánh hóa, và qua đó, ân sủng của Chúa sẽ tuôn đổ dư tràn trên họ và trên mọi người.

Ví dụ: Đức Mẹ là người sống đời thánh hiến, đã tự nguyện dành riêng đời mình phục vụ sứ mạng cứu độ. Mẹ đã được Hội Thánh ca ngợi là đấng “Đồng Công cứu chuộc” hay “hiệp thông ơn cứu chuộc”. Tuy ơn cứu độ phát xuất duy chỉ nơi Chúa Giê-su nhưng Mẹ là người cộng tác và góp phần rất lớn nên Hội thánh mới tuyên xưng như vậy. Nhưng Mẹ đã “là” gì và “làm” gì? Cái Mẹ là đó là trở nên bàn thánh, một con tim khiết trinh trọn vẹn yêu mến và thuộc về Chúa. Còn về việc làm, Mẹ không làm gì nhiều, Mẹ chỉ xin vâng với tất cả những gì xảy đến với mẹ (Đức Mẹ Bảy Sự hay sầu bi). Chính điều này làm chúng ta ngạc nhiên. Những đau khổ của Mẹ so sánh với đau khổ của trần gian chẳng thấm vào đâu. Nhưng điều kỳ diệu là những đau khổ của Mẹ có sức chuyển thông ơn cứu độ rất lớn lao. Trong khi đó, nhân loại đau khổ nhiều, nước mắt chúng sinh cộng lại nhiều như nước biển, nhưng những đau khổ ấy chỉ vô ích mà thôi. Nếu đau khổ tự thân có sức cứu độ, thì nhân loại được cứu lâu rồi, vì họ quá nhiều đau khổ. Điều khác biệt là đau khổ của Mẹ được đặt trên chiếc bàn thánh, và chiếc bàn thánh có sức thánh hóa biến đổi lễ vật.

Cũng vậy, chúng ta tuyên xưng thập giá Chúa cứu độ con người. Nhưng trước Chúa, sau Chúa, và cùng với Chúa có nhiều người chịu treo trên thập tự, cũng nhục nhã đớn đau, nhưng chẳng có ân sủng nào nảy sinh. Chỉ nơi thập gia Chúa ơn cứu độ nảy sinh. Điểm khác biệt chính là việc Chúa Giê-su là bàn thánh qua việc hoàn toàn dâng hiến cho Chúa Cha để phục vụ con người. Như thế, không chỉ thập giá, mà mọi việc khốn khó khác như khi sinh ra nơi hang đá, chạy trốn, sống ẩn dật... đều là của lễ được thánh hóa và sinh ơn cứu độ.

Qua hai gương mẫu này chúng ta thấy đời thánh hiến chính là họa lại đời sống của Chúa Giê-su và Đức Maria. Khi tự nguyện dành riêng đời mình cho Thiên Chúa, chúng ta trở bên bàn thánh, một chiếc bàn kỳ diệu có sức thánh hóa và biển đổi mọi sự trong cuộc sống thành của lễ đẹp lòng Thiên Chúa. Hơn nữa, cần nhắc lại rằng mục đích của chúng ta là yêu Chúa. Một người yêu Chúa thực sự là người biết để ý và lo toan đến nỗi ưu tư và bận tâm của Chúa. Chúa có ưu tư và bận tâm đến từng người đang sống đây, gọi là các linh hồn. Chúa không muốn một ai bị hư mất, và nếu chỉ một người hư mất thôi, thì nỗi đau của Chúa sẽ lớn đến chừng nào... Người yêu Chúa cần cảm được cách sống động những điều thực tế này. Và như thế, người yêu Chúa là người sẽ lo cứu các linh hồn. Các linh hồn được cứu chính yếu nhờ vào ân sủng. Vậy có thể nói điểm cốt lõi của đời tu là lo sao tìm kiếm ân sủng để cứu các linh hồn. Tất nhiên những công việc phục vụ hữu hình thì cần thiết, nhưng ân sủng mới quan trọng. Thánh Tê-rê-xa Hài đồng là một minh chứng. Ngài làm bổn mạng các nhà truyền giáo, tức góp phần cứu các linh hồn, qua kênh ơn sủng hơn là những việc làm to tát cụ thể.

Vậy cốt lõi của đời tu là trở nên bàn thánh. Với bàn thánh này, mọi cái chúng ta làm và mọi cái xảy đến với chúng ta đều mang một giá trị to lớn. Có thể nói, người thường ho chỉ là ho, người thánh hiến “ho” ra hơn cứu độ. Điều này cũng không khác gì người thường chết trên cây thập giá là chết; còn Chúa chết trên cây thập giá nảy sinh ra ơn cứu độ. Dĩ nhiên chúng ta khác Chúa, không làm nảy sinh ra ơn cứu độ hiểu như nguồn gốc ơn cứu độ. Nhưng chúng ta được thông phần, được dự phần vào đó qua việc dâng hiến giống như Chúa, và liên kết mọi việc với cuộc khổ nạn của của Chúa. Đúng là chúng ta chỉ có năm cái bánh và hai con cá, nhỏ bé như những gì các môn đệ có, và cũng nhỏ bé như những gì thánh Tê-rê-xa có thể làm, nhưng nhờ kết hợp với Chúa mà những điều nhỏ bé trở nên lớn lao.

Chúa Ki-tô vừa là bàn thờ, vừa là tư tế, vừa là của lễ. Chúng ta cũng vậy, chúng ta là đền thờ của Chúa, trong đền thờ có chiếc bàn thánh hằng ngày chúng ta dâng những của lễ hi sinh và toàn thiêu lên Chúa qua chức vụ tư tế chúng ta nhận trong phép rửa tội. Qua bích tích rửa tội, chúng ta mặc lấy Đức Ki-tô, là Ki-tô hữu, là chi thể sống động của Người. Chúng ta cố gắng sống giống Chúa, thì hệ quả tất yếu Chúa cũng cho chúng ta chia sẻ trong việc mang ơn cứ độ đến cho các linh hồn.

Tóm lại, nếu chúng ta xác định mục đích cao nhất là yêu Chúa và việc này kéo theo yêu mến các linh hồn, nếu chúng ta xác định việc cứu các linh hồn hệ tại việc hiệp thông ơn cứu độ của Chúa, thì đời tu hẳn nhiên có giá trị vô cùng to lớn. Qua việc thánh hiến tức dành riêng đời mình cho Chúa theo gương Chúa Giê-su và Mẹ Maria, chúng ta biến cuộc đời chúng ta trở thành chiếc bàn thánh, chiếc bàn kỳ diệu ấy giúp chúng ta lãnh nhận muôn vàn ân sủng cho các linh hồn qua các việc bình thường chúng ta làm và qua mọi điều xảy đến với chúng ta. Chúng ta cũng không bận tâm phải làm gì, nhưng bận tâm là gì, bận tâm làm bàn thánh.

**2. Chìa khóa của đời sống cộng đoàn: tình yêu dành cho sứ mạng của Chúa**

Đời sống cộng đoàn rất khó khăn về mặt tự nhiên. Nữ không thích hợp để sống với nữ, nam chẳng thích hợp để sống với nam. Hơn nữa, họ sống chung mà chẳng có quyền được lựa chọn. Và muôn ngàn khó khăn khác.

Để giải quyết khó khăn người ta nghĩ ra các giải pháp. Có những giải pháp mang tính phương tiện, có những giải pháp mang tính quyết định. Nếu chỉ dừng lại ở những giải pháp mang tính phương tiện, e rằng không hiệu quả. Ví dụ, để sống cộng đoàn, người ta khuyên phải biết khiêm nhường, từ bỏ mình, biết lắng nghe. Biết tìm hiểu văn hóa để sống với sự khác biệt vùng miền, tìm hiểu tâm lý lứa tuổi để sống với các thế hệ khác nhau trong nhà Dòng, học cách điều khiển cảm xúc, cách thế quản trị, cách thế làm việc nhóm, cách thế đối thoại. Những điều này tốt và cần thiết nhưng nếu chỉ có vậy, vẫn còn thiếu một điều quan trọng.

Để giải quyết một vấn đề phải có tầm nhìn cao hơn cái hoàn cảnh làm phát sinh ra vấn đề đó. Các vấn đề trong cộng đoàn phát sinh từ đâu? Đâu phải từ khác biệt tính tình, hay khác biệt thế hệ, nhưng từ một cái gì đó sâu xa hơn. Điều sâu xa đó đến từ lý do người ta sống cộng đoàn với nhau. Tại sao tôi lại sống cộng đoàn?

Tôi sống cộng đoàn vì chính Chúa muốn quy tụ những con người muốn phục vụ sứ mạng của Chúa. Trong Tin Mừng Chúa nói Chúa kêu gọi các môn đệ đến với Người, để họ ở với Người và để được sai đi làm sứ mạng. Vậy điểm mấu chốt là sứ mạng của Chúa.

Khi chúng ta yêu Chúa, chúng ta yêu mến sứ mạng. Khi chúng ta yêu mến sứ mạng, chúng ta đau xót nhận ra rằng mình chẳng làm được gì nhiều. Điều này được Chúa diễn tả như lúa chín đầy đồng mà thợ gặt thì ít. Chúa là chủ mùa gặt, chúng ta là hiền thê của Chúa, tức vợ của chủ, tức là bà chủ mùa gặt. Yêu Chúa là ôm lấy cánh đồng bao la của Chúa, yêu Chúa là đau xót với từng bông lúa đang rơi rụng vì thiếu thợ gặt.

Khi làm bà chủ, người ta sẽ không lo gặt lúa nữa, vì biết rằng mình có gặt thì cũng không được bao nhiêu. Tình yêu và sự lo toan nơi bà chủ mách bảo rằng thay vì đi gặt, hãy đi tìm kiếm thợ gặt. Vậy thái độ hay tâm thế của một tu sĩ phải là một tâm thế của người đi tìm thợ gặt, nghĩa là một tâm thế yêu mến, quý trọng, chăm sóc, nâng đỡ những thợ gặt và những người có tiềm năng gặt hái. Kinh nghiệm tự nhiên cho thấy bà chủ thực tế là ô-sin. Thợ gặt đến bữa thì ăn, đến giờ thì nghỉ, bà chủ vì lo cho thợ nên nhiều khi đến bữa cũng chưa được ăn, tất bật lo đầu này đầu kia, mua cái này cho người nọ, kiếm cái kia cho người khác. Tối đến khi thợ về, bà chủ còn lui cui dọn dẹp quét tước, rồi mới ăn. Dĩ nhiên có những bà chủ ngồi đó ra lệnh và quát tháo, nhưng bà chủ ấy chỉ là người yêu mình và phá hoại thôi, bà chủ đích thực là người yêu ông chủ và lo cho mùa màng.

Quả thật trong Tin mừng Chúa muốn các môn đệ có tâm thế của bà chủ khi Chúa dạy: anh em hãy yêu thương nhau, hãy rửa chân cho nhau, và ai làm lớn (tức làm bà chủ) hãy là người phục vụ. Chúa Giê-su đã rửa chân cho các môn đệ, điều này cho thấy Ngài yêu mến thợ gặt, và ẩn đàng sau đó là việc yêu các linh hồn. Chúng ta hãy xem cách thế Chúa yêu thợ gặt, Chúa đối xử với các tông đồ thật hiền lành và kiên nhẫn dường bao. Và kết quả thật mỹ mãn: hầu hết các ông đều được chinh phục và đã chết cho sứ mạng.

Nếu mỗi thành viên trong cộng đoàn đều mang tâm thế bà chủ hay “làm lớn” theo kiểu Chúa dạy, cộng đoàn sẽ ổn định bất chấp mọi khó khăn và khác biệt về mặt tự nhiên. Họ sống được với nhau vì họ ý thức sức họ không làm được gì nhiều, chị em khác mới có thể làm; thế nên lòng say mê sứ vụ khiến họ cần đến và quý trọng anh chị em một cách chân tình, và sẵn sàng phục vụ họ, hay sẵn sàng trở nên mọi sự cho mọi người theo cách nói của Thánh Phao-lô. Họ sẵn sàng “vui với người vui, khóc với người khóc”. Họ làm mọi sự để người khác say mê cánh đồng, say mê cứu các linh hồn.

Bà chủ nơi đời thường khi gặp những người thợ khó tính khó nết, hay than van, hay buồn khổ... bà ấy sẽ biết cách để chăm lo chứ không đơn giản “đuổi hết”. Vì đuổi hết ai sẽ gặt đây? Nói như vậy mới biết tình yêu Chúa và các linh hồn khiến chúng ta hạ mình và xóa mình trước mọi người. Không còn là tôi sống mà là Đức Ki-tô và sứ mạng của Chúa sống trong tôi. “Vui với người vui, khóc với người khóc” thật ra cũng gần giống với chú hề, vì người bình thường thì vui buồn với cảm xúc của mình, còn chú hề thì vui buồn theo kịch bản. Nhưng tình yêu dành cho Chúa và cách linh hồn khiến thánh Phao-lô và chúng ta hóa ra điên dại như thế, dám trở nên tất cả cho mọi người, vì tình yêu dành cho Chúa và sứ mạng.

Khi ấy điều bận tâm của chúng ta duy chỉ là Chúa và sứ mạng của Chúa, mọi lời ăn tiếng nói và phản ứng của chúng ta đều nhắm tới lợi ích cho sứ mạng. Khi ấy, nếu chị em có gây ra lỗi lầm thiếu sót chúng ta sẽ không vội phản ứng theo kiểu bà chủ chẳng đoái hoài đến mùa gặt và chỉ lo thỏa mãn tính khí riêng hay danh vọng hão huyền của mình và thẳng tay đuổi cổ hay làm tổn thương các thợ gặt. Chúng ta sẽ phản ứng theo kiểu bà chủ hết lòng với mùa gặt, đầy ưu tư và lo lắng, cân nhắc các giải pháp, cốt để gỡ các thợ gặt ra khỏi các khó khăn, chịu đựng và kiên nhẫn với họ, với mục đích cuối cùng là giữ họ lại để cùng gặt hái. Thế nên phản ứng đầu tiên của chúng ta là cầu nguyện xin sự soi sáng và trợ giúp của Chúa và rồi tìm giải pháp tốt nhất, cân nhắc từng lời ăn tiếng nói. Đây cũng chính là cách thế Chúa đã đối xử với các tông đồ khi xưa, rất ân cần và kiên nhẫn, và không ngừng cầu nguyện cho các môn đệ.

Đời sống cộng đoàn được ví như một đội kéo co. Cả cộng đoàn kéo co với ma quỷ để cố kéo những người đang trong vòng tay ma quỷ về với Chúa. Dĩ nhiên ma quỷ ngày đêm kéo nhiều người về phía chúng. Thế nên đây không chỉ là hình ảnh ví von, nhưng là một hiện thực, chỉ tiếc vì đây là hiện thực tại thiêng liêng nên khuất đôi mắt trần của chúng ta. Nhưng bằng con mắt thiêng liêng, chúng ta vẫn hình dung ra cuộc kéo con này. Cả cộng đoàn được Chúa tuyển chọn để kéo co. Trong lúc kéo con chúng ta phải có tâm thế như thế nào? Trong lúc kéo co, không giới hạn số người, chúng ta có lý do để kén chọn vùng miền, kén chọn sở thích, kén chọn tính tình không? Trong lúc ấy, ai cũng cần người và quý người, gặp ai cũng muốn mời họ vào giúp một tay, và ai đã vào rồi thì mình lo giữ họ lại. Trong lúc kéo co, chẳng ai dại lại đi tranh cãi, nói xấu và chia rẽ. Ma quỷ rất khôn, chúng không chỉ kéo co, mà chúng còn cài quân của nó vào giữa cộng đoàn để gây chia rẽ nội bộ. Nó biết tận dụng tối đa những nết xấu và yếu đuối của các chị em như tính ích kỷ, ganh tỵ, những ký ức xấu, tổn thương và tính thích nói xấu. Khi ấy, cộng đoàn không dồn sức kéo co, mà chỉ lo đấu tranh nội bộ, ma quỷ nhìn thấy mỉm cười đắc chí. Nếu điều này xảy ra, thật chua xót thay.

Khi có tâm tình như vậy, cộng đoàn quả là nơi rất hạnh phúc: tôi được chăm lo cho những người phục vụ sứ mạng của Chúa, và chúng tôi cùng nhau thực thi sứ mạng của Chúa. Biết mình được tham gia vào sứ mạng của Chúa đã là niềm vui rồi, giờ đây được phục vụ những con người chăm lo cho sứ mạng nữa thì hạnh phúc biết bao. Dù chẳng màng chi danh lợi, nhưng dù sao cũng biết rằng, người phục vụ những con người chăm lo cho sứ mạng là người lớn nhất trong con mắt Chúa; ý nói, đây là điều rất đẹp lòng Chúa.

Bằng con mắt thiêng liêng chúng ta luôn nhìn thấy cánh đồng bao la vẫy gọi. Tám tỷ con người cần được chăm lo về phần linh hồn; Chúa Giê-su đứng đó như một thủ lĩnh hiền từ và khiêm nhường, vai vẫn luôn vác thánh giá, kêu gọi mỗi người tham gia vào mùa gặt vĩ đại này. Chúng ta yêu mến Chúa và nghe được tiếng gọi của Người, thấy được đồng lúa... với những tâm tình như vậy, chúng ta có thể sống đời sống cộng đoàn. Khi hiểu như thế, chúng ta mới thấy các giải pháp khác hời hợt và chỉ mang tính hỗ trợ.

**3. Đức Vâng Phục: Đặc ân để cứu các linh hồn**

Thời gian không cho phép nói về cả ba lời khấn, xin chỉ nói về Đức Vâng Phục. Đức vâng phục có một khía cạnh khó hơn hai nhân đức kia vì liên quan đến người khác. Khó nghèo và khiết tịnh mình có thể tự quyết được, vì không liên quan trực tiếp đến người khác. Còn đức vâng phục liên quan đến người ra lệnh. Vì lẽ này vâng phục là việc khó.

Vấn đề nảy sinh: thế thì do đâu đời tu có đức vâng phục? nó khó khăn như thế sao không bỏ đi? Câu trả lời trước mắt đó là: đời tu là một tổ chức, và mọi tổ chức đều có người lãnh đạo và cấp dưới, mà lãnh đạo hàm chứa sự cần thiết phải có sự vâng phục, nếu không tổ chức sẽ loạn. Vậy vâng phục là để cho tổ chức cho cộng đoàn cho nhà dòng có trật tự về mặt quản trị. Đây là câu trả lời đúng nhưng rất nông cạn, và có không ít người hiểu ý nghĩa của việc vâng phục như thế này. Cái nguy của việc hiểu theo cách này đó là người ta nhắm đến cách quản trị và lãnh đạo có hiệu quả về mặt hữu hình mà thôi; hệ quả tất yếu là điều gì hợp lý sẽ chiến thắng; như thế sẽ rất khó tuân phục khi gặp những gì khó lý giải hay chưa hợp lý. Điều này vô tình đẩy đời tu vào một vòng xoáy tục hóa, tức hóa ra một tổ chức trần thế có cách quản trị tốt mà thôi, không gì hơn.

Điều chính yếu trong đức vâng phục cần con mắt thiêng liêng để nhận ra. Đi tu nhắm đến cứu các linh hồn, và chúng ta tự hỏi: làm thế nào để cứu các linh hồn cách hiệu quả? Câu trả lời là hãy xem bởi đâu mà con người ta phạm tội và Chúa cứu họ bằng cách nào. Con người và các thiên thần phạm tội bởi họ bất tuân; Chúa và Mẹ Maria cứu họ bằng tiếng xin vâng nơi vườn Dầu và khi truyền tin. Vậy việc làm giúp các linh hồn nhiều nhất là việc vâng phục. Mỗi lần chúng ta vâng phục chúng ta họa lại tiếng xin vâng của Chúa và Mẹ, mỗi khi ấy, chúng ta góp 5 cái bánh và 2 con cá vào tay Chúa để cứu các linh hồn. Ví dụ, chúng ta vâng lời nhặt một cọng rác; việc làm này làm nảy sinh ra hai hiệu quả: hiệu quả hữu hình là nhà sạch rác; hiệu quả vô hình là các linh hồn được cứu. Điểm mấu chốt của vấn đề là ít ai để ý đến hiệu quả vô hình.

Hãy xét ví dụ sau: Giả sự tôi được nhà Dòng gửi đi học tiến sĩ về ngành lau dọn vệ sinh tại Mỹ. Sau 6 năm tôi tốt nghiệp sau khi đã được học hỏi về đủ loại gạch ngói, đá quý và các loại tẩy rửa. Về đến Việt nam, các công ty có nhà cao cấp đều mời tôi đến tư vấn cho họ về việc lau dọn và bảo trì gạch đá. Mỗi lần đi họ cho xe hơi đến tận nhà Dòng chở đi, nói chuyện một buổi mà được mấy nghìn đô. Các công ty quảng cáo chất tẩy rửa cũng đổ xô đến tìm, chỉ cần một lời giới thiệu của mình để quảng cáo người ta trả cho cả mấy chục ngàn USD...

Thế nhưng tôi cũng là một thành viên trong nhà Dòng. Biết tôi có bằng cấp, nên bề trên giao cho việc nghiên cứu xem nhà Dòng nên lau nhà một ngày mấy lần. Tôi cũng đo đạc và kết luận: em nhận thấy nhà mình nên lau 1 ngày một lần là tối ưu. Chị bề trên nói: cám ơn em đã cho ý kiến. Chị thấy rằng nhà mình là nhà tu nên cần sự sạch sẽ, thôi thì em cứ lau nhà một ngày hai lần cho chị.

Khi đó tôi sẽ vâng phục như thế nào? Tôi có lau không? Sao mọi người tin tôi và nghe lời tôi còn bề trên thì không? Tệ hơn nữa, khi tôi ráng để vâng phục, nhưng tôi lại là trưởng nhóm, những người dưới tôi hằng ngày càm ràm: chị phải nói gì đi chứ, ai cũng biết lau hai lần là không hợp lý, chị đo đạc thấy rõ vậy mà? Bề trên mình bị ám ảnh về sự sạch sẽ. Thế rồi tôi cũng lấy can đảm lên thưa với bề trên: thưa chị em cảm thấy việc lau nhà một ngày hai lần hơi phí thời gian và nước, xin chị cho chúng em lau một ngày một lần. Chị bề trên vẫn ôn tồn nói: cám ơn về nhận xét và đề nghị của em, nhưng chị thấy rằng cứ giữ một ngày hai lần em ạ.

Khi ấy chúng ta sẽ phản ứng như thế nào? Có vâng phục không? Nếu vâng phục thì có vui không? Bây giờ chúng ta hãy mổ sẻ vấn đề: tại sao trong chuyện này chúng ta khó vâng phục?

Ghi nhận trước hết đó là bề trên không sai nhưng chỉ có một chọn lựa kém hiệu quả. Bề trên chỉ sai khi ra một mệnh lệnh tạo ra tội lỗi như sai đi ăn cắp, đốt nhà, giết người, vu oan, làm chứng gian. Những khi bề trên sai làm những việc này, chúng ta nại tới quyền tối thượng của lương tâm và không làm theo, và buộc phải không làm theo. Chỉ trong những trường hợp này, mà thực ra rất hiếm, chúng ta mới được nói bề trên sai lầm. Còn khi bề trên ra lệnh lau nhà một ngày 2 lần, 3 lần hay đến 10 lần cũng không sai, mà đây chỉ là những chọn lựa không tối ưu. Hay khi bề trên nói trồng cây nhưng ngọn quay xuống thì cũng không sai, đây chỉ là việc làm kém hiệu quả. Hay khi bề trên quyết định lễ lúc 5 giờ hay 6 giờ hay 12h trưa, thì đấy cũng là những chọn lựa hơn kém nhau về mặt hiệu quả thôi, chứ không sai.

Vậy điều chúng ta cảm thấy khó vâng phục chính là việc lý trí của chúng ta mách bảo phải làm theo chọn lựa nào có hiệu quả nhất. Việc trồng cây ngọn quay xuống thì cũng dễ như trồng gốc quay xuống, nhưng chúng ta rất khó làm, vì thấy nó không hiệu quả và không sinh ích lợi. Chúng ta tiếc thời gian, tiếc công sức, nên không làm...

Thế nhưng chúng ta đang nói đến hiệu quả trần thế mà thôi. Đây mới là mấu chốt vấn đề. Và đây là dấu chỉ cho chúng ta thấy con mắt chúng ta rất tục hóa, tức chỉ nhìn thấy những hiệu quả hữu hình. Lau nhà hai lần thì kém hiệu quả hơn một lần, chỉ có thế, không gì hơn. Thế thì chúng ta có khác gì các công ty và tổ chức khác đâu? Khi đó, tiêu chí của hành động là: cái gì có lý nhất, mang lại hiệu quả nhất thì được chọn.

Chúng ta hãy trở lại con mắt thiêng liêng, nó giúp chúng ta nhận ra nơi hành vi vâng phục, ơn Chúa sẽ tuôn đổ xuống. Với việc càng khó vâng phục và trái ý, ơn Chúa xuống càng nhiều. Vậy giờ hãy xét lại: lau nhà hai lần một ngày, kém hiệu quả hơn một chút, nhưng được lãnh nhận ơn Chúa rất nhiều thì sự khác biệt với lau nhà một lần và cũng lãnh nhân ơn Chúa rất nhiều thì dường như hai kết quả tương đương nhau. Học toán chúng ta biết hai thì lớn hơn một; nhưng một cộng với vô hạn cũng bằng hai cộng với vô hạn. Thùng nước nhiều hơn ly nước, nhưng thùng nước cộng với đại dương cũng bằng ly nước cộng với đại dương. Nói vậy để biết rằng, khi nhắm đến ơn Chúa (mà đây mới là mục đích của đời tu), những sai biệt về hiệu quả trần thế trở nên nhỏ bé. Khi đó lau nhà một lần hay hai lần có gì khác biệt đâu?

Nói như thế không phải là khinh chê hiệu quả trần thế, hiệu quả trần thế tốt chứ, nhưng nó không phải là điều quyết định. Trong thực tế đức vâng phục trọn hảo vẫn nhắm đến lợi ích trần thế, nhưng trong mức độ cho phép, chứ không bằng mọi giá. Cụ thể là bề dưới nên cung cấp mọi thông tin, mọi cách thế, mọi giải pháp mà họ nghĩ có hiệu quả nhất cho bề trên để bề trên quyết định. Bề dưới không thể là thiên lôi, sai đâu đánh đó, không màng chi đến hiệu quả trần thế. Nhưng sau khi đưa ra những cách thế tốt nhất, họ để bề trên tự do quyết định; họ không tranh đấu cho bằng được.

Thực tế người đời dạy ta về đức vâng phục trọn hảo. Hãy xem một giám đốc tốt sẽ chọn trợ lý nào trong ba kiểu người sau đây. Kiểu người thứ nhất mau mắn vâng phục, nhưng theo kiểu thiên lôi, sai đâu đánh đó, không biết gì và không có ý kiến gì. Người thứ hai rất thông minh tháo vát, luôn tìm tòi thông tin có liên quan và nghĩ được những giải pháp tốt nhất đầy hiệu quả và nhiệt tình cung cấp cho giám đốc. Tuy vậy, khi giám đốc có quyết định khác với đề nghị và suy nghĩ của anh này, anh này liền nổi giận và không cộng tác cũng không làm theo. Nhiều lúc giám đốc không biết mình là chủ hay anh trợ lý là chủ nữa. Người trợ lý thứ ba cũng giống anh thứ hai về tài năng, nhưng anh ta để cho giám đốc tự do quyết định; anh nhiệt tình khuyên can nhưng vẫn tôn trọng và làm theo mệnh lệnh của giám đốc. Quả thực, ai làm giám đốc cũng thích mẫu trợ lý thứ ba này. Dĩ nhiên những trợ lý ưa nịnh bợ thì không nói làm gì, hay những bề trên ưa nịnh bợ thì không cần bàn đến, vì họ chỉ thích kiểu người giống thiên lôi hay người nịnh bợ thôi. Một bề trên và một giám đốc bình thường đều mong muốn kiểu trợ lý thứ ba. Đây là mẫu vâng phục mà Chúa muốn cho bề dưới: luôn thiết tha, tận tình, sáng kiến, đóng góp, nhưng để cho bề trên tự do quyết định và vui vẻ thực hiện mọi quyết định của bề trên.

Phân tích như vậy để thấy rằng đức vâng phục vẫn nhắm tới hiệu quả trần thế. Tuy nhiên vâng phục đời tu có lợi thế hơn anh trợ lý ngoài đời, trợ lý ngoài đời khi giám đốc chọn lựa không hiệu quả thì cho ra kết quả kém. Trong đời tu, khi chúng ta vâng lời bề trên, Chúa coi như chúng ta vâng phục ý Chúa. Chữ “coi như” này rất ý nghĩa, nó có ý nói rằng về mặt khách quan, ý bề trên rất nhiều khi khác xa ý Chúa, vì bề trên đâu được ơn bất khả ngộ; trái lại bề trên là người bình thường với tất cả những giới hạn và khiếm khuyết. Nhưng Chúa ưu ái người vâng phục và yêu mến Chúa bằng cách ban cho một đặc ân: Ai vâng phục thì Chúa kể như làm đúng ý Chúa; mà làm đúng ý Chúa thì chúng ta giống Chúa Giê-su, nghĩa là khi ấy ân sủng sẽ tuôn tràn xuống trần gian này cho các linh hồn. Theo cái nhìn này, vâng phục là đặc ân của Chúa cho người thánh hiến, chứ không hề là gánh nặng.

Một khía cạnh khác, khi chúng ta dâng mình cho Chúa nghĩa là gì? Đó là chúng ta trao phó quyền sử dụng đời mình cho Chúa, chúng ta không còn quyền gì đối với mình nữa. Chúng ta trao cho Chúa nhưng Chúa vô hình không sử dụng chúng ta được, nên trao cho bề trên sử dụng chúng ta. Thế nên chúng ta khấn với Chúa trong tay bề trên. Khi khấn vâng phục, thực ra chúng ta nói rằng “đây đời em đây, xin chị toàn quyền sử dụng”. Chính vì sự tận hiến cao cả này mà chúng ta từ cái bàn thường trở thành bàn thánh. Không phải bỗng dưng chúng ta là bàn thánh đâu.

Đa số chúng ta nghĩ rằng mình dâng hiến là dâng hiến cho Chúa, và mình thay Chúa sử dụng mình. Không, như vậy khác nào chẳng dâng hiến. Dâng hiến là dâng hiến cho Chúa và Chúa dùng chúng ta qua những con người rất đỗi bình thường, đầy khiếm khuyết và kém cỏi. Đây là mầu nhiệm của đời dâng hiến. Chính sự mầu nhiệm này mà chiếc bàn thánh của chúng ta mới mầu nhiệm.

Tiện đây nói thêm thời này người tu sĩ nam nữ bị một cám dỗ lớn: Họ không dám coi đời tu là cao quý, họ nghĩ đời tu chỉ là một bậc sống, họ không hơn gì những người sống đời sống khác. Họ nghĩ vậy nhân danh đức khiêm nhường, nhân danh sự coi trọng những người khác, nhân danh sự hòa đồng... Nhưng hệ quả là họ sẽ không còn cố gắng nữa, vì bao người khác cũng vậy, mình có gì khác biệt. Và nhân danh việc tôn trọng tự do cá nhân, quyền này quyền nọ, họ đòi cho được những quyền lợi cá nhân kiểu thế gian. Đây chẳng khác nào việc một người nhân danh đức khiêm nhường và sự hòa đồng để nói rằng: tôi không làm thánh được đâu, vì tôi đâu hơn gì bao người khác. Câu nói có vẻ khiêm nhường nhưng rất không đẹp lòng Chúa, vì Chúa kêu gọi họ nên thánh.

Vậy vấn đề là chúng ta phải xác định lại ơn gọi nên thánh của mình, sự cao quý của ơn thiên triệu nơi tu sĩ, nét đẹp của khăn thánh và bàn thánh, của việc dành riêng và dành trọn đời mình để mến yêu và phụng sự Chúa. Phải khám phá lại con đường của ơn cứu độ và ân sủng, con đường gặt hái và cứu các linh hồn. Chỉ như thế, tu sĩ mới có thể vâng phục và vâng phục cách trọn hảo.

**4. Sứ mạng của tu sĩ: Yêu Mến Thánh Giá**

Ở trên đã nói vâng phục là cách thế hữu hiệu cứu các linh hồn. Còn một cách thế quan trọng khác là thập giá Chúa. Chúa thông minh, giảng hay, dùng nhiều phép lạ nhưng chúng ta không ca ngợi rằng “Lạy Chúa, chúng con ca ngợi Chúa, vì Chúa đã dùng sự thông minh, lời giảng hay và nhiều phép lạ để cứu độ chúng con”. Nhưng chúng ta ca ngợi “Chúa đã dùng thánh giá mà cứu độ chúng con”.

Con người phạm tội do nuông chiều bản thân đi vào con đường rộng, để cứu con người cần làm điều ngược lại, con đường hãm mình ép xác, tức con đường hẹp. Thánh giá chính là con đường hẹp, con đường dẫn tới sự sống như Chúa Giê-su đã nói.

Khi trừ quỷ, Chúa nói có những thứ quỷ cần ăn chay và cầu nguyện mới có thể trừ. Ăn chay chính là ăn ít và ăn đồ ăn không ngon để đi ngược lại với bản năng thích ăn ngon và ăn nhiều. Chúng ta hỏi tại sao thập giá và việc ăn chay hãm mình lại là những việc đem lại ơn cứu độ? Mầu nhiệm cứu độ gắn liền với thập giá và chúng ta không hiểu hết. Nhưng những gì chúng ta có thể hiểu đó là sự công bằng của Thiên Chúa. Việc Chúa chịu chết thay và đền bù tội lỗi nói lên tính trả vay và sự công bình của Thiên Chúa. Con người phạm tội do lòng yêu mình và nuông chiều cái bản ngã; thiết nghĩ việc cứu độ con người là việc ngược lại: Yêu Chúa và hãm mình, quy hướng đời sống về Chúa và việc phục vụ tha nhân.

Nếu Chúa chịu khổ chịu chết để mang lại ơn cứu độ, thì để chuyển ơn cứu độ ấy đến với mọi người, chúng ta cũng phải chịu khổ chịu chết. Một viên đạn bắn ra cây súng bị giật lại đằng sau, đây là luật cân bằng. Một cái cây vươn cao tươi tốt cần các rễ cây âm thầm hút nước và dưỡng chất nuôi dưỡng. Một tòa nhà cao cần một nền móng vững chắc đỡ nâng. Để góp phần cứu các linh hồn, chúng ta cũng phải chịu những hi sinh nhất định. Ăn chay và cầu nguyện mới trừ quỷ được. Chúng ta hãy tưởng tượng sứ mạng của Giáo hội và của tất cả các nhà Dòng là mở mang nước Chúa, điều này có nghĩa là thu gọn lại sự bành trướng của ma quỷ. Vậy sứ mạng của chúng ta là sứ mạng trừ quỷ. Sứ mạng trừ quỷ có hai phần: phần hữu hình là thao tác trừ quỷ, phần vô hình là phần ăn chay cầu nguyện. Chúng ta biết phần ăn chay cầu nguyện mới là phần quan trọng, phần này làm nền tảng đỡ nâng cho việc trừ quỷ, giống như rễ cây âm thầm làm nền tảng cho bao hoa trái, như một nền móng ở sâu trong lòng đất để nâng đỡ ngôi nhà nguy nga.

Chúng ta tự hỏi, Giáo hội như một tòa nhà lớn mạnh, ai sẽ là những viên đá làm nền móng bị chôn vùi nơi lòng đất và không ai biết đến? Ai cũng muốn cho Giáo hội trổ sinh nhiều hoa trái, ai sẽ là những rễ cây chuyên cần và âm thầm dưới đất? Ai cũng muốn cho Giáo hội đẩy lui vương quốc sự dữ, ai là người ăn chay cầu nguyện?

Thánh Tê-rê-xa Hài đồng làm công việc âm thầm của rễ cây và nền móng nơi dòng kín. Ngài không có việc truyền giáo trực tiếp hay hữu hình, nhưng nhờ ngài, cây truyền giáo của Giáo Hội có sức sống và trổ sinh hoa trái, vì thế người là bổn mạng, tức người đỡ nâng, sứ vụ truyền giáo. Như thế, chúng ta có thể tận dụng mọi hi sinh khó nhọc trong cuộc sống để dâng lên Chúa để cầu nguyện cho sứ mạng của Hội thánh. Những hi sinh thầm lặng này như nền móng âm thầm nâng đỡ tòa nhà Giáo Hội. Thế giới của chúng ta được an ổn như thế này chắc hẳn nhờ nhiều người ầm thầm hi sinh cầu nguyện. Các dòng hoạt động nhờ sự ăn chay hãm mình của các dòng kín để thi hành sứ mạng trừ quỷ. Giáo hội như một thân thể, hiệp thông và nối kết với nhau. Với sự hiệp thông này, mọi khổ chế hi sinh đều có lợi ích rất lớn cho sứ mạng của Giáo Hội. Thử nghĩ xem, nếu Giáo hội chỉ lo trừ quỷ, mà thiếu người ăn chay cầu nguyện thì sẽ ra sao?

Có người hỏi, nếu Thiên Chúa công bình, và chúng ta phải trả đúng giá để cứu các linh hồn, thì chúng ta ăn chay hãm mình làm sao cho đủ để cứu các linh hồn? Điều đáng mừng là chúng ta vừa sống trong sự công bình vừa sống trong sự ưu ái của Chúa. Sống trong sự công bình tức là để cứu các linh hồn chúng ta phải trả đúng cái giá để cứu linh hồn ấy. Nhưng nếu vậy, cả đời chúng ta chẳng cứu được ai. Nhưng chúng ta có sự ưu ái: Chúa ban cho tất cả những ai yêu mến Chúa và các linh hồn đặc ân được thông phần vào công nghiệp của Chúa, giống như năm chiếc bánh và hai con cá được trao vào tay Chúa vậy, nhờ việc thông phần này, chúng ta có thể cứu được rất nhiều linh hồn.

Như thế, chúng ta say mến Chúa, say mến hi sinh và đau khổ, đây chính là Mến Thánh Giá. Vậy Mến Thánh Giá là con đường đi chung cho mọi tu sĩ, cho mọi người nhắm đến việc cứu các linh hồn. Chữ mến phải đi với thánh giá, vì chỉ thập giá được yêu mến và tự nguyện đón nhận vì Chúa và vì các linh hồn mới có giá trị.

Cuối cùng, thập giá nở hoa, không chỉ trên thiên đàng nhưng ngay nơi trần thế này thập giá đã nở hoa. Thập giá nở hoa nghĩa là người vác thập giá sẽ cảm nhận được niềm vui lớn lao và sâu lắng. Một điều khiến chúng ta ngạc nhiên và là một ngạc nhiên khá thú vị đó là trên đời này không chỉ có một nguồn vui duy nhất của việc yêu mình và thỏa mãn ý riêng và dục vọng đam mê. Thỏa mãn những điều này sẽ có niềm vui và chính vì vui thú này mọi người đều bị thu hút vào. Nhưng chúng ta còn có một nguồn vui khác: đó là vì yêu Chúa chúng ta đi ngược lại với ý riêng và dục vọng đam mê. Thực vậy, sáng ra ngủ nướng cũng vui, mà dạy sớm thể dục cũng vui; đi ăn cắp ăn chặn của người khác cũng vui và đi làm từ thiện cũng vui; cãi thắng người khác cũng vui, nhưng nhường nhịn cũng vui; ăn no nê cũng vui nhưng nhịn ăn để giảm cân hay ăn chay cũng vui. Bắt Chúa theo ý mình cũng vui và bỏ mình theo ý Chúa cũng vui; sống cho mình cũng vui và bỏ mình sống cho Chúa cũng vui; cãi thắng bề trên cũng vui và vâng theo bề trên cũng vui. Nói tóm lại, khi khám phá ra nguồn vui thứ hai, đam mê và dục vọng đánh mất khả năng độc quyền của nó. Nó biết con người cần niềm vui, và biết rằng thỏa mãn bản thân là cách thế duy nhất để có được niềm vui, thế nên xác thịt tha hồ khống chế con người. Nay chúng ta khám phá ra một nguồn vui khác, một nguồn vui chân thật, niềm vui của hi sinh và thập giá, một niềm vui sâu xa và đi ngược lại với xác thịt và ý riêng, chúng ta được tự do và thanh thản, xác thịt mất đi sức mạnh của nó.

Niềm vui thứ hai này rất quan trọng, tu sĩ cần phải khám phá và khai thác. Đời sống dâng hiến và theo Chúa không thể chỉ là lý thuyết và việc liên tục vận dụng ý chí hay một niềm tin hoàn toàn không có cơ sở hay vết tích gì. Không phải thế, đời dâng hiến dẫu vẫn phải liều, phải phó thác, phải tin và nhiều lúc phải vận dụng ý chí, nhưng người tu sĩ rất thường xuyên cảm nhận được niềm vui chân thực tuôn chảy từ tận đáy sâu tâm hồn. Điều này giống như Chúa nói rằng ai tìm gặp Chúa thì nơi người ấy sẽ vọt lên một mạch nước đem lại sự sống. Niềm vui của việc yêu mến thánh giá là niềm vui sâu xa và chân thực nhất.

**Kết luận**

Những gì vừa trình bày một cách nào đó phác họa những nét căn bản của đời tu, của đời sống cộng đoàn, đức vâng phục và sứ mạng. Những điều này là những nét căn bản và chỉ thấy được bằng đôi mắt thiêng liêng. Để sống đời tu cách tốt đẹp, cần làm cho những thực tại thiêng liêng vốn vô hình trở thành những thực tại có hình ảnh sống động trong tâm trí. Con người sẽ hành động theo những gì chiếm ưu thế trong tâm trí. Nếu những thực tại thiêng liêng không sống động trong tâm trí, thì những thực tại trần thế, vốn luôn hữu hình, gần gũi và sống động, sẽ chiếm ưu thế, và tất nhiên khi cộng với bản năng rất mạnh mẽ của xác thịt, con người sẽ hành động theo kiểu trần thế. Đây là nguyên nhân của việc làm tĩnh tâm xong thì thường quay lại như cũ vì những hình ảnh và ý tưởng phai nhạt không còn sống động trong tâm trí. Việc cầu nguyện xét mình đọc kinh vừa để tôn vinh Chúa, vừa để cho những thực tại thiêng liêng trở nên sống động và chiếm ưu thế, nhờ vậy, hành động trong ngày có hi vọng nghiêng về thánh ý Chúa.

Linh Thao của thánh I-nhã có điểm cốt lõi là các bài tập, tức một sự tập luyện thường xuyên. Các bài tập được xây dựng theo nguyên lý của câu tục ngữ “trăm nghe không bằng một thấy”. Nghe và đọc những điều dẫu hay đến đâu cũng không biến đổi chúng ta nhiều. Vì cái nghe cái đọc cũng là một ý tưởng, chứ chưa phải là hình ảnh sống động trong tâm trí, đến rồi sẽ đi.

Vậy vấn đề là biến cái nghe thành cái thấy và thường xuyên lập lại. Biến cái nghe thành cái thấy bằng cách hình dung và tưởng tượng. Ví dụ, Chúa luôn kêu mời chúng ta, đây là một thực tế. Để làm cho điều này sống động, ta hình dung Chúa đang đứng trong cánh đồng, hay đứng giữa thế giới này, hay đứng ngay bên tôi cất lời kêu gọi. Chúng ta đang chiến đấu với ma quỷ, hãy hình ảnh hóa cuộc chiến này bằng trận kéo co với chúng và hai bên so kè từng chút một. Hãy tập hình dung ân sủng Chúa như mưa nguồn tưới gội đất đai cằn cỗi. Mỗi khi làm bất cứ việc gì hãy làm cho Chúa và hình dung ân sủng Chúa đổ xuống trên mọi người. Hãy dành nhiều thời giờ để hình dung về thiên đàng, hỏa ngục. Chúng ta nghe nhiều về hỏa ngục và tin có hỏa ngục nhưng những điều này chẳng mấy tác động đến chúng ta. Điều cần thiết là hãy hình dung hỏa ngục và mỗi ngày có nhiều người rơi xuống, bao đau khổ và xót xa, trái với cuộc sống hạnh phúc bất diệt trên thiên đàng. Đây không phải là điều viển vông, đây là thực tại của đức tin, chúng ta chỉ làm cho rõ ra những gì vốn đang hiện hữu. Thánh I-nhã dạy chúng ta làm đi làm lại bài tập này đến độ chúng ta như sờ được những thực tại này.

Vậy điểm mấu chốt của bài viết này không phải là ý tưởng này ý tưởng kia, nhưng là việc mỗi người bắt tay vào việc tập luyện thiêng liêng: siêng năng hình dung về thực tại thiêng liêng theo cách riêng của mình. Điểm nhắm tới là làm sao đó để nơi tâm trí mỗi người, thực tại thiêng liêng luôn rõ ràng, gần gũi, sống động.

Những thực tại này có thể nói là tấm bản đồ thiêng liêng, hay đôi mắt thiêng liêng. Người tu sĩ, thợ gặt của Chúa, chiến sĩ của Chúa nếu không hình thành cho mình một bản đồ thiêng liêng, một đôi mắt thiêng liêng, thì thử hỏi họ biết di chuyển và chiến đấu thế nào đây? Cả cuộc đời họ mãi loay hay với những cái rất tầm thường mà thôi.

Lạy Chúa, xin cho chúng con thấy được, thấy rõ những thực tại thiêng liêng để chúng con hết lòng sống cho những thực tại ấy.

30.03.22

**Lm Giuse Vũ Uyên Thi, S.J**